TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28-12-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quốc Văn

2. Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau *tham gia phiên tòa*: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 492/2018/TLST – HNGĐ, ngày 12 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Mộng N (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp B, xã V, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Hà Ngọc N (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Mộng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Mộng N và anh N tự nguyện kết hôn với nhau tháng 9-2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau ngày 02-9-2015. Thời gian chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vì hoàn cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn, do còn còn nhỏ, anh N thường xuyên đi uống rượu dẫn đến vợ chồng cự cải, anh N có đánh chị nhiều lần nên anh chị đã ly

thân với anh N từ đầu năm 2018 cho đến nay, gia đình hai bên có khuyên ngăn, hàn gắn nhưng không thành. Chị N xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh N được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có một người con là Hà Ngọc Như A, sinh ngày 03-01-2017, hiện anh N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị thống nhất giao cháu A cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng nhưng không được ngăn cản việc chị thăm non con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Có một chiếc xe Airblade biển số 30397, hiện anh N đang quản lý nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản này. Nợ chung: Không có.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cho anh N nhưng anh không có ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật; về nội dung vụ án thì các yêu cầu của chị N về hôn nhân, về con chung là có cơ sở chấp nhận, về tài sản, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chị N yêu cầu ly hôn với anh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Anh N được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị N và anh N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống không hạnh phúc nên đã ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Điều đó, cho thấy hôn nhân của chị N và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh N.

[2] Về con chung: Chị N thống nhất giao cháu A cho anh N nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con, anh N không có ý kiến gì về con chung. Xét yêu cầu của chị N về con chung là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cháu Ý đang chung sống ổn định với anh N nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, việc cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Chị N phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chị N đã nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hà Ngọc N.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Chị Dương Mộng N và anh Hà Ngọc N được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao cháu Hà Ngọc Như A, sinh ngày 03-01-2017 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Chị N phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ngày 11-9-2018 chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005706 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện Thới Bình;*
- *Chi cục THADS huyện Thới Bình;*
- *Ủy ban nhân dân xã T;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn